

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 5 – 2018

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thanh Nhanh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Sơn Thị Vành Đa**.

2. Ông **Lý Thanh Chiều**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tuấn Hòa**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Bà **Triệu Thị Mộng Lý** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Danh Thị T**.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

(Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Thạch C**.

Địa chỉ: Ấp 2, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị **Danh Thị T** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị **Danh Thị T** và anh **Thạch C** được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 3 năm 2010. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị T với anh C có hai con chung gồm cháu Thạch Thanh X, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2012, hiện nay đang sống chung với chị T và cháu Thạch Văn N, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2014, hiện nay đang sống chung với anh C. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu X đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; chị đồng ý giao cháu N cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn: Anh Thạch C đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, nhưng anh C đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Thạch C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần hợp lệ, nhưng đều vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và anh C được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 3 năm 2010. Tòa án đã thông báo và triệu tập các đương sự tham gia hòa giải, nhưng anh C đều vắng mặt; Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì cho rằng chị không còn tình cảm với anh C, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T với anh C không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Chị T với anh C có hai con chung tên Thạch Thanh X, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2012, hiện nay đang sống chung với chị T và Thạch Văn N,

sinh ngày 26 tháng 11 năm 2014, hiện nay đang sống chung với anh C. Nay chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu X và anh C nuôi dưỡng cháu N. Chị và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, anh C không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T; để tạo điều kiện thuận lợi cho chị T và anh C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu X và cháu N sau này, đồng thời cũng nhằm ổn định cuộc sống cho hai cháu, nên cần giao cháu X cho chị T, cháu N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Anh, chị không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng; anh, chị cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định của khoản 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu và cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con; anh C không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T; anh, chị đều phải trực tiếp nuôi dưỡng một con chung. Do đó, chị T và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về án phí sơ thẩm:* Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Nguyên đơn chị Danh Thị T được ly hôn với bị đơn anh Thạch C.

[2] *Về con chung:*

- Giao cháu Thạch Thanh X, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2012 cho chị Danh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu X tròn 18 (mười tám) tuổi.

Anh Thạch C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Giao cháu Thạch Văn N, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2014 cho anh Thạch C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu N tròn 18 (mười tám) tuổi.

Chị Danh Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Chị T và anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Danh Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007403 ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Chị T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Ủy ban nhân dân xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thanh Nhanh